

## QUYẾT ĐỊNH

**ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên đại học hệ chính quy trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP DỆT MAY HÀ NỘI

Căn cứ Thông tư số 16/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1178/QĐ-ĐHCNDMHN ngày 25/8/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội;

Xét đề nghị của trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên và Thanh tra Giáo dục,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên đại học hệ chính quy trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

**Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 1814/QĐ-ĐHCNDMHN ngày 15/12/2016 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông/bà trưởng phòng, khoa, trung tâm, đoàn thể chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Ban giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, phòng CTHSSV và TTGD.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
TS. Hoàng Xuân Hiệp



Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2018

## **QUY ĐỊNH**

**đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên đại học hệ chính quy**

**trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1529/QĐ-ĐHCNDMHN ngày 19 tháng 12 năm 2018 của  
Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội)

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy, bao gồm: Đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm; phân loại và quy trình đánh giá; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả; tổ chức thực hiện.

2. Văn bản này áp dụng đối với sinh viên được đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

##### **Điều 2. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện**

1. Thực hiện đúng quy trình và các tiêu chí đánh giá; đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác.

2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của sinh viên.

3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong nhà trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện.

##### **Điều 3. Nội dung đánh giá và thang điểm**

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá ý thức, thái độ của người học theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

- a) Ý thức tham gia học tập;
- b) Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường;
- c) Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội;
- d) Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng;

e) Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100.

## **Chương II** **CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM**

### **Điều 4. Đánh giá về ý thức tham gia học tập**

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức và thái độ trong học tập;
- b) Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ, các hoạt động học trên lớp, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học;
- c) Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi;
- d) Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập;
- e) Kết quả học tập.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

### **Điều 5. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường**

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức chấp hành các quy định công tác HSSV nhà trường; quy định công tác HSSV nội ngoại trú; quy định đào tạo; quy chế thi; quy định về học phí, bảo hiểm y tế;
- b) Ý thức chấp hành các nội quy ra vào trường, nội quy phòng ở trong ký túc xá, nội quy thư viện, nội quy phòng học thực hành, thí nghiệm.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

### **Điều 6. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội**

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao;
- b) Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội;
- c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

### **Điều 7. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng**

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định tại nơi cư trú;

b) Ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng;

c) Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người có khó khăn, hoạn nạn.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

**Điều 8. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức của nhà trường hoặc người học đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện**

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của sinh viên được phân công nhiệm vụ quản lý lớp;

b) Tham gia có hiệu quả công tác xung kích, tự quản và các hoạt động khác trong nhà trường;

c) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và nhà trường;

d) Người học đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm.

### **Chương III**

## **PHÂN LOẠI VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN**

**Điều 9. Phân loại kết quả rèn luyện**

Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém:

a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;

b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;

c) Từ 65 đến dưới 80 điểm: loại khá;

d) Từ 50 đến dưới 65 điểm: loại trung bình;

e) Từ 35 đến dưới 50 điểm: loại yếu;

g) Dưới 35 điểm: loại kém.

## **Điều 10. Phân loại để đánh giá**

1. Sinh viên học bình thường:

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành định kỳ theo từng học kỳ, năm học và toàn khóa học.

2. Sinh viên học đồng thời hai chương trình đào tạo:

- Các kỳ sinh viên học đồng thời hai chương trình: việc đánh giá rèn luyện do lớp ổn định và khoa phụ trách chương trình thứ nhất thực hiện.

- Các kỳ sinh viên chỉ học các môn học chương trình thứ hai (sau khi đã tốt nghiệp chương trình đào tạo thứ nhất): việc đánh giá rèn luyện do lớp ổn định và khoa phụ trách chương trình thứ hai thực hiện.

- Điểm rèn luyện toàn khóa học chương trình thứ hai: là trung bình chung của điểm rèn luyện các học kỳ trong toàn khóa học (gồm toàn bộ thời gian học chương trình thứ nhất và thời gian học chương trình thứ hai).

3. Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp.

4. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện, sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

5. Sinh viên khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định, đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của sinh viên tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

6. Sinh viên chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai trường thì được bảo lưu kết quả rèn luyện của trường cũ khi học tại trường mới và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

7. Sinh viên không nộp bản tự đánh giá kết quả rèn luyện trong học kỳ thì học kỳ đó sẽ nhận điểm rèn luyện là 0 điểm (Không điểm) và xếp loại rèn luyện Kém.

Sinh viên có nộp bản tự đánh giá kết quả rèn luyện trong học kỳ nhưng không tham dự buổi họp đánh giá rèn luyện của lớp sẽ bị hạ một bậc so với kết quả đánh giá.

8. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá.

9. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.

11. Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.

12. Sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.

### **Điều 11. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện**

1. Cuối mỗi học kỳ, sinh viên căn cứ vào các hoạt động của bản thân, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết do trường quy định (theo Phụ lục số 01) và nộp cho Ban cán sự lớp.

- Sinh viên chưa tốt nghiệp theo đúng khóa học, đang học trả nợ các học phần thì nộp bản tự đánh giá kết quả rèn luyện cho giáo vụ khoa (hoặc GVCN/CVHT).

- Sinh viên đã tốt nghiệp chương trình đào tạo thứ nhất, đang tiếp tục theo học chương trình đào tạo thứ hai thì nộp bản tự đánh giá kết quả rèn luyện cho Ban cán sự lớp mà mình đang theo học chương trình thứ hai.

2. GVCN/CVHT tổ chức họp lớp: tiến hành xem xét và thông qua mức điểm tự đánh giá của từng sinh viên trên cơ sở các minh chứng xác nhận kết quả và phải được quá nửa ý kiến đồng ý của tập thể lớp và phải có biên bản kèm theo (Phụ lục số 02).

3. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa/trung tâm tổ chức họp xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên và trình Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp trường bằng file cứng và file mềm qua phòng CT HSSV và TTGD tổng hợp (Phụ lục số 03).

4. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường họp xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên trong toàn trường, trình Hiệu trưởng xem xét và công nhận kết quả rèn luyện của sinh viên.

5. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên được công bố công khai và thông báo cho sinh viên biết sau khi Hiệu trưởng ký Quyết định công nhận kết quả rèn luyện của sinh viên.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ**

#### **Điều 12. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện**

##### **1. Hội đồng cấp trường**

###### **a) Thẩm quyền thành lập**

Hội đồng cấp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền ký Quyết định thành lập Hội đồng cấp trường.

###### **b) Thành phần Hội đồng cấp trường bao gồm:**

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.

- Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng CT HSSV và TTGD.

- Các ủy viên: Đại diện Lãnh đạo các khoa, trung tâm, Đoàn Thanh niên nhà trường và các đơn vị chức năng có liên quan.

###### **c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp trường:**

- Tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Trưởng khoa/trung tâm, Hội đồng tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng khoa/trung tâm, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

##### **2. Hội đồng cấp khoa/trung tâm**

###### **a) Thẩm quyền thành lập**

Hội đồng cấp khoa do Trưởng khoa hoặc Phó trưởng khoa được Trưởng khoa ủy quyền.

###### **b) Thành phần Hội đồng cấp khoa/trung tâm gồm:**

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa/Giám đốc trung tâm hoặc Phó trưởng khoa/Phó giám đốc trung tâm được Trưởng khoa/Giám đốc trung tâm ủy quyền.

- Thường trực hội đồng: giáo vụ khoa/trung tâm hoặc GVCN/CVHT.

- Các ủy viên: GVCN/CVHT; đại diện Liên chi đoàn thanh niên cấp khoa/trung tâm.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp khoa/trung tâm:

- Giúp Trường khoa/trung tâm đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa/trung tâm.

- Căn cứ các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của GVCN/CVHT của từng lớp học, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng lớp, đề nghị Trường khoa/trung tâm công nhận.

### **Điều 13. Cách đánh giá kết quả rèn luyện**

1. Thời gian đánh giá: Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành định kỳ theo học kỳ, năm học và toàn khóa học.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá được quy định tại điều 4, điều 5, điều 6, điều 7 và điều 8; trong đó điểm thành phần và điểm tổng của các nội dung đánh giá được làm tròn đến 0,5 và không vượt quá điểm quy định.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó. Nếu trong năm học, sinh viên học chưa đủ năm (sinh viên ngừng học, sinh viên năm cuối) thì kỳ sinh viên theo học được tính tròn thành 1 năm học.

4. Điểm rèn luyện toàn khoá là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ sinh viên theo học trong toàn khoá học.

### **Điều 14. Sử dụng kết quả**

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của người học được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của Trường và được sử dụng trong việc xét học bổng, xét khen thưởng - kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét lưu trú ký túc xá, xét giải quyết việc làm thêm và xét các ưu tiên khác theo quy định của Trường.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý của sinh viên tại Trường, làm căn cứ để xét tốt nghiệp, làm luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp.

3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ sinh viên của Trường.

4. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được Trường xem xét biểu dương khen thưởng.



5. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

### **Điều 15. Quyền khiếu nại**

Sinh viên có quyền khiếu nại về việc đánh giá kết quả rèn luyện bằng cách gửi đơn khiếu nại đến Nhà trường qua phòng CT HSSV và TTGD.

Khi nhận đơn khiếu nại, Nhà trường sẽ có trách nhiệm giải quyết, trả lời cho sinh viên.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

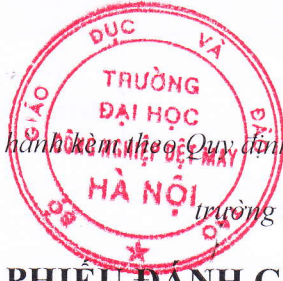
#### **Điều 16. Tổ chức thực hiện**

1. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần điều chỉnh quy định cho phù hợp, các đơn vị, cá nhân báo cáo Ban Giám hiệu bằng văn bản qua phòng CT HSSV và TTGD để được xem xét giải quyết.

2. Kết thúc năm học, các khoa/trung tâm tổng kết công tác đánh giá rèn luyện sinh viên và gửi báo cáo Ban giám hiệu qua phòng CT HSSV và TTGD tổng hợp rút kinh nghiệm.

3. Các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được đề xuất khen thưởng. Nếu vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật./.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
★TS. Hoàng Xuân Hiệp



## Phụ lục số 01

(Ban hành kèm theo Quy định Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học chính quy)

Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội

### MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN

Học kỳ:..... Năm học 20..... - 20.....

Họ tên sinh viên:..... Mã số SV:.....

Lớp:..... Khoa/trung tâm:

| TT        | Nội dung đánh giá   | Mức điểm tối đa | Điểm đánh giá |     |
|-----------|---|-----------------|---------------|-----|
|           |   |                 | SV            | Lớp |
| <b>I</b>  | <b>Đánh giá về ý thức tham gia học tập</b>  | <b>20</b>       |               |     |
| 1         | Chấp hành đầy đủ các quy định học tập trên giảng đường  | 2               |               |     |
| 2         | Thành viên các câu lạc bộ hoặc tham gia thi Olympic các môn học, nghiên cứu khoa học và sáng tạo khởi nghiệp.<br>+ Thành viên câu lạc bộ/NCKH/Sáng tạo khởi nghiệp: 1 điểm<br>+ Cấp khoa: Đạt giải 2 điểm, tham gia 1 điểm<br>+ Cấp trường: Đạt giải 3 điểm, tham gia 2 điểm<br>+ Cấp trên trường: Đạt giải 5 điểm, tham gia 3 điểm | 5               |               |     |
| 3         | Chấp hành các quy định trong các kỳ thi<br>- Bị CBCT lập biên bản khiển trách: trừ 1 điểm/lần<br>- Bị CBCT lập biên bản cảnh cáo: trừ 2 điểm/lần<br>- Bị CBCT lập biên bản đình chỉ thi: trừ 3 điểm/lần   | 3               |               |     |
| 4         | Điểm học tập kỳ sau cao hơn kỳ trước hoặc xếp loại học tập từ khá trở lên   | 2               |               |     |
| 5         | Kết quả học tập trong học kỳ, đạt:<br>Học lực Giỏi, Xuất sắc: 8 điểm<br>Học lực Khá: 5 điểm<br>Học lực Trung bình và TBK: 3 điểm<br>Học lực dưới Trung bình: 0 điểm   | 8               |               |     |
| <b>II</b> | <b>Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường</b>  | <b>25</b>       |               |     |
| 1         | Chấp hành tốt các nội quy, quy định được thực hiện trong nhà trường<br>Vi phạm một trong các quy định: 0 điểm   | 5               |               |     |

| TT         | Nội dung đánh giá  | Mức điểm tối đa | Điểm đánh giá |     |
|------------|--|-----------------|---------------|-----|
|            |  |                 | SV            | Lớp |
| 2          | Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt lớp hằng tháng<br>- Vắng họp lần 1: trừ 02 điểm<br>- Vắng lần 2: trừ 5 điểm<br>- Vắng lần 3: 0 điểm   | 10              |               |     |
| 3          | Chấp hành tốt quy định về đóng học phí<br>Đóng chậm học phí so với quy định: 0 điểm  | 5               |               |     |
| 4          | Chấp hành đầy đủ các quy định khác của Nhà trường như thực hiện tốt quy định về nội, ngoại trú; nội quy thư viện, nếp sống văn hóa học đường...<br>Vi phạm một trong các quy định: 0 điểm  | 5               |               |     |
| <b>III</b> | <b>Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội</b>  | <b>20</b>       |               |     |
| 1          | Tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao:<br>- Tham gia trực tiếp hoặc tham gia tổ chức: 6 điểm<br>- Tham gia hỗ trợ, cổ vũ: 3 điểm<br>- Không tham gia hoặc từ chối tham gia khi tổ chức phân công: 0 điểm  | 6               |               |     |
| 2          | Tham gia công tác xã hội: hiến máu nhân đạo, ủng hộ người nghèo và thiên tai; hoạt động tình nguyện hoặc các công tác xã hội khác.<br>- Không tham gia hoặc từ chối tham gia công tác xã hội khi tổ chức phân công: 0 điểm<br>- Trong học kỳ nếu công tác xã hội phân bổ chỉ tiêu theo từng lớp, nếu:<br>+ Lớp hoàn thành chỉ tiêu được giao thì SV trong lớp được đánh giá: 6 điểm<br>+ Nếu lớp không hoàn thành chỉ tiêu thì chỉ SV trực tiếp tham gia: 6 điểm | 6               |               |     |
| 3          | Tham gia tuyên truyền, phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội khác  | 6               |               |     |
| 4          | Là thành viên đội tuyển dự thi hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, thể thao từ cấp trường trở lên; Hoặc được Nhà trường khen thưởng hoặc đạt giải trong các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, thể thao  | 2               |               |     |

| TT        | Nội dung đánh giá  | Mức điểm tối đa | Điểm đánh giá |     |
|-----------|--|-----------------|---------------|-----|
|           |  |                 | SV            | Lớp |
| <b>IV</b> | <b>Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng</b>   | <b>25</b>       |               |     |
| 1         | Tham gia tuyên truyền và chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nơi học tập và cư trú<br>- Tham gia tuyên truyền và thực hiện đầy đủ: 10 điểm<br>- Bị nhắc nhở 1 lần: 6 điểm<br>- Vi phạm bị ghi biên bản và hồ sơ: 0 điểm  | 10              |               |     |
| 2         | Tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng:<br>- Cấp khoa: 3 điểm<br>- Cấp trường: 4 điểm<br>- Trên cấp trường: 5 điểm   | 5               |               |     |
| 3         | Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn<br>- Thực hiện tốt được ghi nhận: 10 điểm<br>- Thực hiện ở mức có tham gia: 5 điểm<br>- Có yêu cầu nhưng không tham gia: 0 điểm  | 10              |               |     |
| <b>V</b>  | <b>Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong Trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện</b><br><i>(Sinh viên đạt được từ 1 đến 4 nhóm tiêu chí, thì tổng điểm không vượt quá 10 điểm)</i>   | <b>10</b>       |               |     |
| 1         | Sinh viên được phân công quản lý lớp, các tổ chức Đoàn, Hội và các tổ chức khác trong nhà trường (BCS lớp, BCH đoàn, BCH Hội SV, Thành viên Câu lạc bộ, Trưởng phòng ở Ký túc xá...):<br>- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 10 điểm<br>- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 8 điểm<br>- Không hoàn thành nhiệm vụ: 0 điểm | 10              |               |     |
| 2         | Sinh viên là thành viên tổ chức các chương trình, dự án; Cộng tác viên tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, khoa, trường   | 10              |               |     |
| 3         | Sinh viên tích cực trong công tác phát triển Đảng:<br>- Đạt yêu cầu khi tham gia lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức về   | 10              |               |     |

| TT | Nội dung đánh giá  | Mức điểm tối đa | Điểm đánh giá |     |
|----|--|-----------------|---------------|-----|
|    |  |                 | SV            | Lớp |
|    | Đảng: 5 điểm<br>- Được kết nạp Đảng hoặc được chuyển Đảng chính thức đúng hạn: 10 điểm   |                 |               |     |
| 4  | Sinh viên đạt thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện:<br>- Đạt giải thưởng trong nghiên cứu khoa học, thi Olympic các cấp; sáng tạo khởi nghiệp.<br>- Đạt huy chương, giấy khen, giải thưởng các cấp về: văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội, hoạt động vì cộng đồng... | 10              |               |     |
|    | <b>Tổng cộng (I+II+III+IV+V)</b>   | <b>100</b>      |               |     |

**Ghi chú:**

- Sinh viên tự đánh giá, nộp cho Lớp trưởng (riêng sinh viên chưa được làm tốt nghiệp đúng khóa, đang trả nợ môn học, nộp cho giáo vụ khoa).
- Nếu sinh viên không nộp phiếu này, sẽ nhận kết quả rèn luyện là 0 điểm và xếp loại rèn luyện Kém. SV không dự buổi họp đánh giá sẽ bị hạ một bậc rèn luyện.

**GVCN/CVHT**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

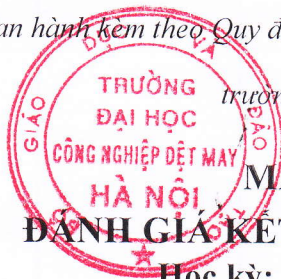
**BAN CÁN SỰ LỚP**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng..... năm.....

**Sinh viên**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

## Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Quy định Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học chính quy)



trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội)

### MẪU BIÊN BẢN HỌP LỚP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN

Học kỳ: ..... ; Năm học 20..... - 20.....

Thời gian họp: ..... Địa điểm họp: .....

Lớp: ..... tổ chức họp lớp đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên

#### I. Thành phần tham dự:

1. Chủ tọa: - Giáo viên chủ nhiệm:.....

- Lớp trưởng:.....

- Bí thư chi đoàn:.....

2. Thư ký: - Sinh viên:.....

3. Toàn thể sinh viên lớp: Tổng số:.....; Vắng:.....

#### II. Nội dung buổi đánh giá:

1. Số sinh viên nộp phiếu đánh giá rèn luyện:.....

Số sinh viên không nộp phiếu đánh giá rèn luyện:....., gồm những sinh viên có tên sau:

| TT  | Họ tên | TT  | Họ tên |
|-----|--------|-----|--------|
| 1   |        | 6   |        |
| 2   |        | 7   |        |
| 3   |        | 8   |        |
| ... |        | ... |        |

2. Sinh viên không tham gia buổi họp đánh giá rèn luyện, hạ bậc xếp loại:

| STT | Mã số SV | Họ tên sinh viên | Xếp loại | Hạ một bậc |
|-----|----------|------------------|----------|------------|
| 1   |          |                  |          |            |
| 2   |          |                  |          |            |
| ... |          |                  |          |            |

3. Kết quả phân loại rèn luyện của toàn thể sinh viên trong lớp:

| STT | Mã số SV | Họ tên sinh viên | Tổng điểm | Xếp loại |
|-----|----------|------------------|-----------|----------|
| 1   |          |                  |           |          |
| 2   |          |                  |           |          |
| 3   |          |                  |           |          |
| ... |          |                  |           |          |

4. Tổng hợp kết quả rèn luyện của lớp:

| TT | Xếp loại | Khung điểm | Số lượng | Tỉ lệ % |
|----|----------|------------|----------|---------|
|----|----------|------------|----------|---------|

| TT | Xếp loại   | Khung điểm             | Số lượng | Tỉ lệ % |
|----|------------|------------------------|----------|---------|
| 1  | Xuất sắc   | Từ 90 đến 100 điểm     |          |         |
| 2  | Tốt        | Từ 80 đến dưới 90 điểm |          |         |
| 3  | Khá        | Từ 65 đến dưới 80 điểm |          |         |
| 4  | Trung bình | Từ 50 đến dưới 65 điểm |          |         |
| 5  | Yếu        | Từ 35 đến dưới 50 điểm |          |         |
| 6  | Kém        | Dưới 35 điểm           |          |         |

**5. Đề xuất, kiến nghị:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Cuộc họp kết thúc vào lúc..... ngày .....tháng.....năm.....

**Xác nhận của GVCN**

(ký và ghi rõ họ tên)

**Thư ký**

(ký và ghi rõ họ tên)

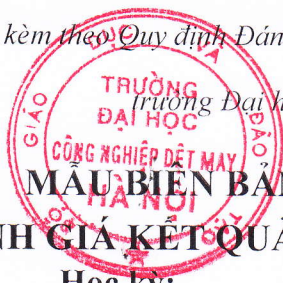
**Chủ tọa**

(ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Biên bản này lưu tại Văn phòng khoa/trung tâm.

## Phụ lục số 03

(Ban hành kèm theo Quy định Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học chính quy)



### MẪU BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN

Học kỳ: ..... ; Năm học 20..... - 20.....

Thời gian họp: ..... Địa điểm họp: .....

Khoa/trung tâm: ..... tổ chức họp lớp đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên trong khoa/trung tâm.

#### I. Thành phần tham dự:

1. **Chủ tọa:** - Chủ tịch Hội đồng khoa/trung tâm : .....
2. **Thư ký:** - Giáo vụ/GVCN khoa/trung tâm: .....
3. **Giáo viên chủ nhiệm và Ban cán sự các lớp trong khoa/trung tâm**

#### II. Nội dung buổi đánh giá:

##### 1. Tình hình nộp phiếu đánh giá rèn luyện:

| TT  | Lớp       | Số SV nộp phiếu | Số SV không nộp phiếu |
|-----|-----------|-----------------|-----------------------|
| 1   |           |                 |                       |
| 2   |           |                 |                       |
| ... |           |                 |                       |
|     | Tổng cộng |                 |                       |

##### 2. Kết quả phân loại rèn luyện:

| TT  | Lớp       | Tổng số SV | Số SV xếp loại rèn luyện |     |     |        |    |     |     |
|-----|-----------|------------|--------------------------|-----|-----|--------|----|-----|-----|
|     |           |            | XS                       | Tốt | Khá | TB khá | TB | Yếu | Kém |
| 1   |           |            |                          |     |     |        |    |     |     |
| 2   |           |            |                          |     |     |        |    |     |     |
| ... |           |            |                          |     |     |        |    |     |     |
|     | Tổng cộng |            |                          |     |     |        |    |     |     |

##### 3. Đề xuất, kiến nghị:

.....  
.....

Cuộc họp kết thúc vào lúc ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Thư ký

Chủ tịch Hội đồng khoa

(Ký và ghi rõ họ tên)

*Ghi chú:* Biên bản này lập thành 02 bản: 01 bản nộp cho Hội đồng cấp trường qua phòng CT HSSV và TTGD và 01 bản lưu tại Văn phòng khoa/trung tâm.